

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: E204
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 13h00 Ngày thi: 26/10/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA10001	19810000061	Đỗ Trung	Anh	9/12/2001			
2	TA10002	18810820101	Hoàng Lan	Anh	5/10/2000			
3	TA10003	20810810015	Hoàng Minh	Anh	13/2/2002			
4	TA10004	20810000122	Hoàng Tùng	Anh	9/9/2002			
5	TA10005	18810820068	Lê Thị Vân	Anh	14/10/2000			
6	TA10006	18810310535	Nguyễn Chí	Anh	23/5/2000			
7	TA10007	20810000045	Nguyễn Đức	Anh	7/1/2002			
8	TA10008	21810810232	Nguyễn Thị Lan	Anh	9/2/2003			
9	TA10009	19810000205	Nguyễn Tiến	Anh	16/11/2001			
10	TA10010	20810510120	Nguyễn Tuấn	Anh	26/5/2002			
11	TA10011	18810230051	Đặng Ngọc	Ánh	15/9/2000			
12	TA10012	20810110132	Dương Đức	Ánh	4/11/2002			
13	TA10013	21810810255	Đỗ Thanh	Bình	24/7/2003			
14	TA10014	ĐVCH	Hoàng Cẩm	Chi	21/09/1998			
15	TA10015	1781410409	Phạm Minh	Chiêu	21/10/1999			
16	TA10016	18810540141	Vũ Thành	Chung	28/7/2000			
17	TA10017	20810230092	Nguyễn Thị	Cúc	24/8/2002			
18	TA10018	18810110200	Đỗ Mạnh	Cường	29/4/2000			
19	TA10019	21810620017	Nguyễn Văn	Cường	6/6/2003			
20	TA10020	19810720146	Bùi Hải	Đăng	21/8/2001			
21	TA10021	20810620127	Hà Minh	Đăng	27/11/2002			
22	TA10022	18810430062	Nguyễn Hải	Đăng	10/9/2000			
23	TA10023	18810540150	Trần Hải	Đăng	25/5/2000			
24	TA10024	19810000119	Nguyễn Quý	Đạt	10/9/2001			
25	TA10025	18810220026	Nguyễn Thành	Đạt	14/1/2000			
26	TA10026	18810310459	Nguyễn Tiến	Đạt	14/7/2000			
27	TA10027	18810310205	Trần Văn	Định	1/5/2000			
28	TA10028	21810620373	Nguyễn Văn	Doanh	20/10/2003			
29	TA10029	18810110017	Đào Xuân	Đức	13/8/2000			
30	TA10030	19810420218	Lê Văn	Đức	25/8/2000			
31	TA10031	20810160452	Nguyễn Văn	Đức	20/7/2002			
32	TA10032	19810430019	Phạm Hoàng Anh	Đức	20/9/2001			
33	TA10033	18810620102	Vũ Hoàng	Đức	2/1/2000			
34	TA10034	20810850015	Vu Thi	Dung	15/9/2002			
35	TA10035	21810620400	Nguyễn Hiền	Dũng	1/8/2003			
36	TA10036	21810620042	Chu Minh	Dương	15/4/2003			
37	TA10037	20810610033	Nguyễn Văn	Dương	7/4/2002			

38	TA10038	18810310320	Hoàng Minh	Duy	19/2/2000			
39	TA10039	20810420055	Đỗ Hương	Giang	27/6/2002			
40	TA10040	21810510033	Đỗ Mạnh	Hà	14/11/2003			
41	TA10041	20810110180	Đỗ Xuân	Hà	7/8/2002			
42	TA10042	21810710143	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/10/2003			
43	TA10043	20810820130	Vũ Thu	Hiền	27/6/2002			
44	TA10044	18810310423	Đinh Mạnh	Hiếu	2/12/2000			
45	TA10045	18810420252	Hoàng Minh	Hiếu	19/10/2000			
46	TA10046	21810620024	Lê Khánh	Hoà	5/11/2003			
47	TA10047	21810810140	Đỗ Thu	Hoài	23/8/2003			
48	TA10048	19810310086	Trần Việt	Hoàn	20/6/2001			
49	TA10049	18810430129	Nguyễn Hữu Anh	Hoàng	10/9/2000			
50	TA10050	21810620047	Nguyễn Mạnh	Hùng	6/11/2003			
51	TA10051	21810820137	Kiều Lê	Hương	20/12/2003			
52	TA10052	18810610063	Đào Công	Huy	16/5/2000			
53	TA10053	21810620453	Nguyễn Hữu	Huy	3/10/2003			
54	TA10054	18810230015	Hà Thanh	Huyền	24/7/2000			
55	TA10055	18810410153	Nguyễn Văn	Kha	4/8/1999			
56	TA10056	18810170109	Nguyễn Văn	Khang	21/4/2000			
57	TA10057	21810410180	Dương Quốc	Khánh	2/9/2003			
58	TA10058	18810810091	Đỗ Trung	Kiên	1/8/2000			
59	TA10059	21810820128	Chu Thanh	Lâm	10/6/2003			
60	TA10060	21810840213	Đỗ Tùng	Lâm	21/9/2003			
61	TA10061	21810810252	Nguyễn Thị Phương	Lan	20/9/2003			
62	TA10062	21810620038	Nguyễn Đình	Liêm	17/6/2003			
63	TA10063	18810410202	Nguyễn Văn	Linh	20/4/2000			
64	TA10064	18810310389	Lưu Nhật	Long	22/3/2000			
65	TA10065	18810810215	Nguyễn Hoàng	Long	9/3/2000			
66	TA10066	18810310426	Phí Hữu	Long	13/3/2000			
67	TA10067	20810810130	Lê Thảo	Ly	19/8/2002			
68	TA10068	ĐVCH	Nguyễn Thị Mai	Lý	21/10/1998			
69	TA10069	21810810265	Lê Vũ Sao	Mai	25/8/2003			
70	TA10070	18810310414	Nguyễn Đức	Mạnh	17/11/2000			
71	TA10071	18810310327	Quản Quốc	Minh	5/9/2000			
72	TA10072	18810320357	Trần Bình	Minh	9/12/2000			
73	TA10073	20810430326	Trần Văn	Minh	16/8/2002			
74	TA10074	21810210041	Dương Hải	Nam	15/10/2003			
75	TA10075	21810620397	Nguyễn Hoàng	Nam	23/11/2002			
76	TA10076	1781610065	Nguyễn Văn	Nam	30/1/1999			
77	TA10077	20810820070	Đỗ Thanh	Nga	10/1/2002			
78	TA10078	18810710139	Phan Thiên	Nga	4/12/2000			
79	TA10079	18810230032	Nguyễn Chí	Nghĩa	23/7/2000			
80	TA10080	19810430135	Vũ Tuấn	Nghĩa	3/1/2001			
81	TA10081	18810310458	Nguyễn Văn	Nghiêm	14/10/2000			
82	TA10082	21810710144	Chu Thị Hồng	Ngọc	14/3/2003			
83	TA10083	20810170317	Đào Anh	Nguyên	1/8/2002			
84	TA10084	20810110280	Trần Đình	Nguyên	5/5/2002			
85	TA10085	20810000039	Trần Đức	Nhã	28/8/2002			

86	TA10086	21810710273	Đào Thị	Nhài	13/7/2003			
87	TA10087	21810620060	Lê Khả	Nhật	29/12/2003			
88	TA10088	21810820196	Nguyễn Mai Yến	Nhi	16/12/2003			
89	TA10089	21810540420	Hoàng Hùng	Phong	6/8/2003			
90	TA10090	18810310286	Lưu Đỗ Xuân	Phong	26/4/2000			
91	TA10091	19810310188	Nguyễn Quốc	Phong	27/5/2001			
92	TA10092	21810620043	Trần Tấn	Phong	26/7/2003			
93	TA10093	20810160499	Trương Văn	Phong	10/6/2002			
94	TA10094	20810000429	Đào Trọng	Phương	5/11/2002			
95	TA10095	20810310382	Đoàn Trắc	Quang	28/8/2002			
96	TA10096	18810320709	Trần Phú	Quang	11/10/2000			
97	TA10097	19810540178	Hoàng Ngọc	Quý	11/4/2001			
98	TA10098	20810710224	Lê Thu	Quyên	24/8/2002			
99	TA10099	21810710147	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	19/4/2003			
100	TA10100	18810310094	Nguyễn Tiến	Quyết	25/10/2000			
101	TA10101	18810310462	Trần Văn	Sang	19/7/2000			
102	TA10102	18810710200	Đào Quang	Son	9/2/2000			
103	TA10103	21810620051	Hoàng Dương	Son	21/6/2003			
104	TA10104	18810310680	Nguyễn Hoàng	Son	22/9/2000			
105	TA10105	21810820184	Nguyễn Minh	Son	20/3/2003			
106	TA10106	20810000297	Trần Quốc	Thái	11/8/2002			
107	TA10107	21810620054	Nguyễn Duy	Thắng	2/7/2003			
108	TA10108	18810310271	Nguyễn Duy	Thanh	13/7/2000			
109	TA10109	19810320047	Phùng Chí	Thanh	29/11/2001			
110	TA10110	21810620420	Chữ Đức	Thành	27/10/2002			
111	TA10111	18810310293	Nguyễn Tiến	Thành	20/9/2000			
112	TA10112	20810000118	Phan Tiến	Thành	9/6/2002			
113	TA10113	18810510108	Trần Đức	Thành	14/12/2000			
114	TA10114	21810710434	Nguyen Thi Thu	Thao	19/2/2003			
115	TA10115	20810000470	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/8/2002			
116	TA10116	18810000137	Nguyễn Đức	Thiêm	21/10/1988			
117	TA10117	18810310305	Trần Quang	Thọ	1/6/2000			
118	TA10118	21810620016	Trịnh Hà	Thu	6/12/2003			
119	TA10119	20810110276	Nguyễn Bá	Thương	5/1/2002			
120	TA10120	20810810145	Đặng Thu	Thủy	28/12/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E304

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 26/10/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA10121	21810620413	Nguyễn Văn	Tiến	7/2/2003			
2	TA10122	18810310606	Đậu Quốc	Toàn	8/2/2000			
3	TA10123	18810310640	Tô Văn	Toàn	14/2/2000			
4	TA10124	21810810258	Hoàng Nguyễn Thanh	Trà	1/6/2003			
5	TA10125	21810210010	Nguyễn Thị Thanh	Trà	6/4/2003			
6	TA10126	18810310100	Bê Thuỳ	Trang	7/4/2000			
7	TA10127	18810310067	Bùi Đặng Quỳnh	Trang	11/2/2000			
8	TA10128	21810710022	Nguyễn Kiều	Trang	11/2/2003			
9	TA10129	20810810112	Thân Phương	Trang	1/4/2002			
10	TA10130	20810410097	Trần Quỳnh	Trang	29/6/2002			
11	TA10131	19810810012	Nguyễn Đức	Trung	4/1/2000			
12	TA10132	18810310159	Nguyễn Trọng	Tú	6/10/1999			
13	TA10133	21810110434	Hoàng Văn	Tuân	9/10/2003			
14	TA10134	21810170359	Lê Anh	Tuấn	21/9/2003			
15	TA10135	21810620059	Lê Bá	Tuấn	22/4/2003			
16	TA10136	21810620422	Cao Văn	Tuệ	29/1/2003			
17	TA10137	19810840019	Vũ An	Tuệ	19/10/2001			
18	TA10138	18810640002	Bạch Tiến	Tùng	28/8/2000			
19	TA10139	20810430311	Dương Đức	Tùng	4/11/2002			
20	TA10140	20810610004	Nguyễn Xuân	Tùng	23/11/2002			
21	TA10141	21810620062	Nguyễn Sỹ Thế	Uy	22/10/2003			
22	TA10142	18810620059	Trần Anh	Việt	18/7/2000			
23	TA10143	21810620394	Nguyễn Quang	Vinh	30/6/2003			
24	TA10144	19810000124	Kiều Văn	Vũ	25/8/2001			
25	TA10145	18810810250	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	20/2/2000			
26	TA10146	21810830157	Dương Ngọc	An	29/11/2003			
27	TA10147	20810000493	Đỗ Hoàng	Anh	10/4/2002			
28	TA10148	22819120014	Hoàng Quý	Anh	6/9/2003			
29	TA10149	21810850384	Nguyễn Chúc	Anh	16/1/2003			
30	TA10150	20810320093	Nguyễn Nhật	Anh	24/9/2002			
31	TA10151	21810810296	Nguyễn Tâm	Anh	2/6/2003			
32	TA10152	21810230379	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/5/2003			
33	TA10153	20810000283	Phạm Đức	Anh	7/9/2002			
34	TA10154	19810430063	Trần Nhật	Anh	31/7/2001			
35	TA10155	22810230131	Vũ Thị Kim	Anh	26/10/2004			
36	TA10156	21810810166	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/9/2003			
37	TA10157	20810160505	Kim Ngọc	Bảo	11/8/2002			

38	TA10158	21810310356	Lê Thanh	Bình	4/1/2003			
39	TA10159	21810820249	Trần Thị Thanh	Bình	26/9/2003			
40	TA10160	21810840263	Nguyễn Quỳnh	Chi	24/6/2003			
41	TA10161	21810180415	Phạm Văn	Chiến	2/4/2003			
42	TA10162	2272010138	Nguyễn Trọng	Công	4/5/1989			
43	TA10163	21810310619	Nguyễn Khắc	Cường	7/7/2003			
44	TA10164	20810310457	Nguyễn Trọng	Đạo	20/4/2002			
45	TA10165	20810620079	Nguyễn Tiến	Đạt	15/12/2002			
46	TA10166	20810320137	Tạ Quang	Đạt	26/5/2002			
47	TA10167	19810430112	Trần Văn	Đạt	15/1/2001			
48	TA10168	20810110148	Hoàng Thị	Đoan	3/6/2002			
49	TA10169	19810310016	Nguyễn Huy	Du	24/9/2001			
50	TA10170	19810430330	Hà Duy	Đức	7/2/2001			
51	TA10171	20810410061	Nguyễn Mạnh	Đức	16/9/2002			
52	TA10172	20810310498	Trần Công	Đức	11/7/2002			
53	TA10173	20810420026	Đỗ Trí	Dũng	2/4/2002			
54	TA10174	19810310300	Lường Tiến	Dũng	21/1/2001			
55	TA10175	20810160430	Nguyễn Tiến	Dũng	15/9/2002			
56	TA10176	19810310199	Phạm Tiến	Dũng	2/3/2001			
57	TA10177	20819110115	Hà Văn	Dương	3/1/2002			
58	TA10178	22810310021	Nguyễn Đăng	Duy	14/6/2004			
59	TA10179	21810810042	Trần Thị Kim	Duyên	13/11/2003			
60	TA10180	21810840224	Nguyễn Thị Hương	Giang	26/10/2003			
61	TA10181	21810000418	Vũ Hương	Giang	19/11/2003			
62	TA10182	19810310325	Bùi Hoàng	Hải	9/3/2001			
63	TA10183	21810850199	Lê Đặng Kim	Hằng	31/3/2003			
64	TA10184	21810840314	Nguyễn Thị	Hạnh	16/11/2003			
65	TA10185	22810680034	Nguyễn Đình	Hiền	7/8/2004			
66	TA10186	20810410010	Lê Minh	Hiếu	26/12/2002			
67	TA10187	20810170380	Phạm Trung	Hiếu	13/3/2002			
68	TA10188	19810110188	Nguyễn Văn	Hiệu	1/1/2001			
69	TA10189	22810110401	Nguyễn Ngọc Việt	Hòa	24/10/2004			
70	TA10190	21810820296	Đào Xuân	Hoàng	19/10/2003			
71	TA10191	20810000407	Phạm Việt	Hoàng	1/11/2002			
72	TA10192	21810810317	Phạm Thị Mai	Hồng	19/8/2003			
73	TA10193	20810410057	Nguyen Manh	Hung	2/1/2002			
74	TA10194	20810320124	Nguyễn Hữu	Hùng	14/5/2002			
75	TA10195	20810000025	Nguyễn Tuấn	Hung	3/8/2002			
76	TA10196	21810810234	Nguyễn Thị Mai	Hương	28/10/2003			
77	TA10197	21810000383	Nguyễn Thị Mai	Hường	20/05/2003			
78	TA10198	19810310103	Nguyễn Đức	Huy	11/12/2001			
79	TA10199	19810170139	Nguyễn Quốc	Huy	29/9/2001			
80	TA10200	20810310417	Vương Đức	Huy	16/10/2002			
81	TA10201	21810810135	Nguyễn Ngọc	Huyền	6/11/2003			
82	TA10202	19810840055	Trần Thị Khánh	Huyền	23/5/2001			
83	TA10203	21810620452	Quản Xuân	Khang	4/4/2003			
84	TA10204	20810160483	Lại Duy	Khánh	10/4/2002			
85	TA10205	20810310376	Vũ Ngọc	Khoa	21/12/2002			

86	TA10206	20819110127	Hoàng Trung	Kiên	28/4/2002			
87	TA10207	21810810243	Nguyễn Thị A	Kiều	27/10/2003			
88	TA10208	20810230115	Hà Thị Thanh	Lan	6/2/2002			
89	TA10209	20810000133	Khương Thị	Lành	17/6/2002			
90	TA10210	21810850394	Đậu Thị Kiều	Linh	15/3/2003			
91	TA10211	22810000055	Dương Nhật	Linh	13/5/2003			
92	TA10212	21810610401	Nguyễn Bảo	Linh	15/10/2003			
93	TA10213	21810830153	Nguyễn Phương	Linh	10/1/2003			
94	TA10214	20810000367	Nguyễn Thùy	Linh	2/4/2002			
95	TA10215	20810000016	Trần Thị Diệu	Linh	1/3/2002			
96	TA10216	21810810254	Vũ Khánh	Linh	1/9/2003			
97	TA10217	22810430415	Nguyễn Duy	Long	27/7/2004			
98	TA10218	20810830225	Nguyễn Ngọc	Luân	19/11/2002			
99	TA10219	21810810047	Ngô Thị Diệu	Ly	24/12/2003			
100	TA10220	20810310319	Đỗ Huy	Mạnh	17/7/2002			
101	TA10221	20810310386	Nguyễn Công	Mạnh	27/10/2002			
102	TA10222	20810310441	Nguyễn Như	Mạnh	1/4/2002			
103	TA10223	20810000195	Phạm Tiến	Mạnh	30/9/2002			
104	TA10224	ĐVCH	Đào Hoàng	Minh	12/4/1998			
105	TA10225	21810840323	Lê Thị Hiền	Minh	13/8/2003			
106	TA10226	21810720025	Đỗ Ngọc Kim	My	23/3/2003			
107	TA10227	22810810155	Đoàn Thanh	Nam	12/9/2004			
108	TA10228	22810430114	Nguyễn Hoàng	Nam	16/12/2004			
109	TA10229	2272010147	Phạm Đức	Nam	11/7/2001			
110	TA10230	20810310460	Nguyễn Thị	Ngà	12/2/2002			
111	TA10231	20810810182	Nguyễn Thị	Ngân	21/8/2002			
112	TA10232	21810810301	Lê Thị Bích	Ngọc	26/12/2003			
113	TA10233	19810230014	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	8/1/2001			
114	TA10234	21810850391	Phạm Thu	Nguyệt	21/1/2003			
115	TA10235	20810810174	Trần Thị Hồng	Nhân	14/9/2002			
116	TA10236	21810270027	Dương Yến	Nhi	11/4/2003			
117	TA10237	21810810129	Trần Phương	Nhi	26/12/2003			
118	TA10238	2272010150	Hoàng Thị	Nhung	28/9/1994			
119	TA10239	21810680473	Nguyễn Kế	Ninh	22/5/2003			
120	TA10240	20810620054	Lê Hồng	Phi	19/10/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: E403
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 13h00 Ngày thi: 26/10/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA10241	20810310051	Nguyễn Duy	Phong	15/11/2002			
2	TA10242	21810310439	Nguyễn Văn	Phúc	3/6/2003			
3	TA10243	20810850078	Đoàn Hà	Phương	4/2/2002			
4	TA10244	21810810225	Nguyễn Thị	Phượng	22/5/2003			
5	TA10245	2272010152	Đặng Văn	Quân	4/7/1988			
6	TA10246	21810180355	Nguyễn Cao	Quân	17/3/2003			
7	TA10247	20810160424	Đỗ Đăng	Quang	31/3/2002			
8	TA10248	21810830188	Vũ Thị Lệ	Quyên	23/11/2003			
9	TA10249	20810310384	Đỗ Kiên	Quyết	11/9/2002			
10	TA10250	21810840220	Lý Diệu Trúc	Quỳnh	17/11/2003			
11	TA10251	21810620025	Phạm Văn	Sang	7/12/2003			
12	TA10252	19810310197	Đỗ Ngọc	Son	2/12/2001			
13	TA10253	19810230034	Nguyễn Vũ Trường	Son	25/1/2001			
14	TA10254	21810620071	Lê Đình	Tân	29/5/2003			
15	TA10255	20810110174	Đoàn Quốc	Thái	20/10/2002			
16	TA10256	19810310255	Phan Duc	Thang	22/10/2001			
17	TA10257	22810430330	Vũ Đức	Thắng	16/11/2004			
18	TA10258	20810000042	Nguyễn Tuấn	Thành	6/3/2002			
19	TA10259	20810230078	Hoàng Thị Phương	Thảo	19/9/2002			
20	TA10260	21810270043	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	3/2/2003			
21	TA10261	20810310012	Nguyễn Đức	Thiện	13/11/2002			
22	TA10262	19810310667	Trần Văn	Thịnh	22/12/2001			
23	TA10263	21810810119	Trần Anh	Thư	28/4/2003			
24	TA10264	22810410306	Phạm Văn	Tiến	20/10/2004			
25	TA10265	20810430370	Nguyễn Đức	Toàn	30/8/2002			
26	TA10266	19810310339	Lương Thanh	Trà	1/5/2001			
27	TA10267	22810850003	Chu Minh	Trang	09/02/2004			
28	TA10268	20810810046	Mỹ Thu	Trang	5/3/2002			
29	TA10269	20810810137	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/10/2002			
30	TA10270	21810860226	Phạm Huyền	Trang	25/10/2003			
31	TA10271	2272010158	Ngô Sỹ	Trịnh	25/7/1996			
32	TA10272	19810310419	Nguyễn Thành	Trung	30/11/2001			
33	TA10273	19810610059	Nguyen Quang	Truong	2/2/2001			
34	TA10274	20810310383	Đỗ Khắc	Tú	18/2/2002			
35	TA10275	ĐVCH	Cao Ngọc	Tuân	9/2/1999			
36	TA10276	19810430252	Hoàng Văn	Tuấn	8/8/2001			
37	TA10277	19810340298	Phạm Văn	Tuấn	30/4/2001			

38	TA10278	20810110162	Trịnh Duy Anh	Tuấn	10/9/2002			
39	TA10279	20819120024	Lã Lam	Tùng	13/10/2002			
40	TA10280	21810810109	Phạm Ngọc	Tùng	13/12/2003			
41	TA10281	20810410006	Nguyễn Văn	Tuyền	16/8/2002			
42	TA10282	21810860388	Hoàng Quốc	Việt	30/11/2003			
43	TA10283	18810310545	Trương Đức	Việt	28/09/2000			
44	TA10284	20810420068	Mai Quang	Vũ	26/11/2002			
45	TA10285	20810110295	Nguyễn Khánh	Vũ	6/7/2002			
46	TA10286	19810810147	Lê Hoàng	Yến	12/3/2001			
47	TA10287	21810840245	La Thị Khánh	An	27/12/2002			
48	TA10288	19810530165	Đỗ Tuấn	Anh	18/1/1995			
49	TA10289	21810710045	Lê Phương	Anh	15/7/2003			
50	TA10290	20810340224	Nguyễn Đức	Anh	26/4/2002			
51	TA10291	20810000491	Nguyễn Quang	Anh	9/6/2002			
52	TA10292	21810810313	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/2/2003			
53	TA10293	21810810004	Nguyễn Thị Quế	Anh	18/12/2003			
54	TA10294	21810710261	Phạm Mai	Anh	6/12/2003			
55	TA10295	21810810183	Trần Thị Vân	Anh	29/5/2003			
56	TA10296	20810420011	Vũ Việt	Anh	25/9/2002			
57	TA10297	21810810312	Ninh Thị Minh	Ánh	3/10/2003			
58	TA10298	21810810055	Nguyễn Ngọc	Bích	22/9/2003			
59	TA10299	20810540018	Nguyễn Quang	Bình	21/8/2002			
60	TA10300	ĐVCH	Phạm Văn	Chân	26/10/1994			
61	TA10301	20810620009	Đỗ Minh	Chiến	25/8/2002			
62	TA10302	20810310516	Bùi Công	Chuân	15/6/2002			
63	TA10303	ĐVCH	Nguyễn Văn	Công	5/6/1987			
64	TA10304	20810710283	Phạm Đình	Đại	24/7/2002			
65	TA10305	22810000025	Bùi Tiến	Đạt	25/3/2004			
66	TA10306	20810410009	Nguyễn Tiến	Đạt	5/10/2002			
67	TA10307	20810310563	Trần Quang	Đạt	27/11/2002			
68	TA10308	21810810006	Vũ Ngọc	Diệu	30/11/2003			
69	TA10309	19810310500	Nguyễn Đình	Đoàn	22/6/2001			
70	TA10310	21810810121	Vũ Bích	Du	12/12/2003			
71	TA10311	20810430212	Hà Thế	Đức	3/2/2002			
72	TA10312	20810000325	Nguyễn Minh	Đức	8/2/2002			
73	TA10313	20810310391	Trần Minh	Đức	27/7/2002			
74	TA10314	19810230016	Đoàn Tiến	Dũng	28/3/2001			
75	TA10315	19810420034	Nguyễn Mạnh	Dũng	22/4/2001			
76	TA10316	20810110192	Nguyễn Tiến	Dũng	29/5/2002			
77	TA10317	20810160549	Phan Tiến	Dũng	8/4/2002			
78	TA10318	19810310032	Lê Kim	Dương	11/12/2001			
79	TA10319	19810620051	Nguyễn Văn	Duy	17/4/2001			
80	TA10320	20810310388	Bùi Thị Lan	Em	20/11/2002			
81	TA10321	20810310342	Nguyễn Thị Thùy	Giang	3/4/2002			
82	TA10322	20810310471	Hoàng Thị Hồng	Hà	22/6/2002			
83	TA10323	20810310447	Tạ Hoàng	Hải	28/7/2002			
84	TA10324	21810840285	Nguyễn Thị Thu	Hằng	27/11/2003			
85	TA10325	21810820189	Phạm Thị	Hạnh	26/3/2003			

86	TA10326	20810510084	Bùi Hữu	Hiệp	1/12/2000			
87	TA10327	20810430198	Nguyễn Minh	Hiếu	10/2/2002			
88	TA10328	20810000036	Trần Trung	Hiếu	10/10/2001			
89	TA10329	21810810101	Đỗ Thị Thanh	Hoa	29/9/2003			
90	TA10330	2272010143	Nguyễn Văn	Hoàn	15/09/1986			
91	TA10331	20810000243	Nguyễn Minh	Hoàng	19/2/2002			
92	TA10332	20810000140	Đặng Văn	Hồng	15/12/2002			
93	TA10333	20810000373	Nguyễn Đức	Huân	6/9/2002			
94	TA10334	20810310484	Đỗ Mạnh	Hùng	27/8/2002			
95	TA10335	21810270034	Phương Mạnh	Hùng	15/4/2003			
96	TA10336	20810160428	Phạm Đức	Hung	16/9/2002			
97	TA10337	21810820162	Nguyễn Thị Mai	Hương	6/12/2003			
98	TA10338	22810000053	Đặng Lê Văn	Huu	27/8/2004			
99	TA10339	19810720188	Nguyễn Phan	Huy	06/09/2001			
100	TA10340	20810340248	Nguyễn Xuân	Huy	24/3/2002			
101	TA10341	19810810134	Bùi Thị Ngọc	Huyền	25/3/2001			
102	TA10342	21810810099	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	13/9/2003			
103	TA10343	22819120077	Nguyễn Duy	Huynh	13/3/2004			
104	TA10344	20810000082	Trần Duy	Khang	6/7/2002			
105	TA10345	20810340229	Phạm Đăng	Khánh	20/2/2002			
106	TA10346	19810510208	Vũ Minh	Khôi	27/9/1999			
107	TA10347	22810680046	Đỗ Hữu	Kiên	24/5/2004			
108	TA10348	20810000333	Nguyễn Văn	Kiều	11/1/2002			
109	TA10349	21810810122	Khúc Hương	Lan	12/5/2003			
110	TA10350	ĐVCH	Trần Thị Thúy	Len	12/2/1989			
111	TA10351	21810810125	Đinh Thị Thủy	Linh	2/2/2003			
112	TA10352	21810210002	Dương Phương	Linh	24/9/2003			
113	TA10353	20810230094	Nguyễn Diệu	Linh	9/11/2002			
114	TA10354	21810830233	Nguyễn Thị	Linh	29/10/2002			
115	TA10355	20810000054	Nguyễn Văn	Linh	28/2/2002			
116	TA10356	21810810039	Trịnh Huyền	Linh	21/6/2003			
117	TA10357	19810310041	Hà Quang	Linh	5/2/2001			
118	TA10358	19810410060	Nguyễn Thành	Long	2/5/2001			
119	TA10359	19810320140	Chu Đức	Lương	2/9/2001			
120	TA10360	19810000019	Nguyễn Thị Khánh	Ly	11/9/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)